

Số: 344/TB-UBND

Ninh Giang, ngày 27 tháng 11 năm 2023

THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT

**Để xây dựng Đường dây và TBA 110kV Hưng Thái, qua địa phận
xã Hưng Long, xã Hồng Phúc, xã An Đức, xã Hồng Đức, xã Tân Phong,
huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương**

Căn cứ Điểm b, Khoản 3, Điều 62, Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 4047/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định thu hồi đất đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Khoản 3, Điều 66 Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Ninh Giang;

Căn cứ Quyết định số 618/QĐ-EVNNPC ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc quyết định phê duyệt dự án Đường dây và TBA 110kV Hưng Thái, tỉnh Hải Dương;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 338/TTr-TNMT ngày 23 tháng 11 năm 2023;

Ủy ban nhân dân huyện Ninh Giang thông báo như sau:

1. Thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân và đất do UBND các xã đang quản lý, sử dụng. Cụ thể:

1.1. Diện tích, loại đất dự kiến thu hồi: tổng diện tích đất dự kiến thu hồi theo hiện trạng là 10.261,6m². Loại đất: đất giao thông (DGT): 756,4m²; đất trồng lúa hai vụ (LUC): 8.339,0m²; đất thủy lợi (DTL): 214m²; đất nuôi trồng thủy sản (NTS): 391,2m²; đất trồng cây lâu năm (CLN): 276,7m². Trong đó:



1.1. Diện tích đất dự kiến thu hồi tại xã Hồng Đức: diện tích đất dự kiến thu hồi theo hiện trạng là 1.101m² gồm các loại đất: đất trồng lúa hai vụ (LUC) 1.013,6m²; đất giao thông (DGT) 67,3m²; đất thủy lợi (DTL) 20,1m².

1.2. Diện tích đất dự kiến thu hồi tại xã An Đức: diện tích đất dự kiến thu hồi theo hiện trạng là 1.147,5m² gồm các loại đất: đất trồng lúa hai vụ (LUC) 633,3m²; đất giao thông (DGT) 7,2m²; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 222,7m².

1.3. Diện tích đất dự kiến thu hồi tại xã Tân Phong: diện tích đất dự kiến thu hồi theo hiện trạng là 1.667,5m² gồm các loại đất: đất trồng lúa hai vụ (LUC) 1.378,6m²; đất giao thông (DGT) 11,6m²; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 144,7m²; đất trồng cây lâu năm (CLN) 132,6m².

1.4. Diện tích đất dự kiến thu hồi tại xã Hồng Phúc: diện tích đất dự kiến thu hồi theo hiện trạng là 667,1m² gồm các loại đất: đất trồng lúa hai vụ (LUC): 515,0m²; đất giao thông (DGT) 8,0m²; đất trồng cây lâu năm (CLN) 144,1m².

1.5. Diện tích đất dự kiến thu hồi tại xã Hưng Long: diện tích đất dự kiến thu hồi theo hiện trạng là 5.678,5m² gồm các loại đất: đất trồng lúa hai vụ (LUC) 4.798,5m²; đất giao thông (DGT) 662,3m²; đất thủy lợi (DTL) 193,9m²; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 23,8m².

1.2. Vị trí thu hồi đất:

- Từ thửa số 1 đến thửa số 3 thuộc tờ bản đồ số 9; thửa số 1, thửa số 2 thuộc tờ bản đồ số 10; thửa số 1, thửa số 53 thuộc tờ bản đồ số 11; thửa số 1 thuộc tờ bản đồ số 12; thửa số 1 thuộc tờ bản đồ số 13; thửa số 1, thửa số 2 thuộc tờ bản đồ số 14; từ thửa số 1 đến thửa số 4 thuộc tờ bản đồ số 15; thửa số 1, thửa số 2 thuộc tờ bản đồ số 16; thửa số 1 thuộc tờ bản đồ số 17 xã Hồng Đức theo Mạnh trích đo địa chính số 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 - 2023 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương ký nghiệm thu ngày 9 tháng 11 năm 2023.

- Thửa số 600 thuộc bản đồ số 9; từ thửa số 1 đến thửa số 3 thuộc bản đồ số 10; thửa số 1, thửa số 2 thuộc tờ bản đồ số 11; thửa số 2, thửa số 3 thuộc tờ bản đồ số 12; thửa số 1, thửa số 2 thuộc tờ bản đồ số 13; thửa số 1, thửa số 2 thuộc tờ bản đồ số 14; thửa số 2 thuộc tờ bản đồ số 15 xã An Đức theo Mạnh trích đo địa chính số 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 - 2023 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương ký nghiệm thu ngày 9 tháng 11 năm 2023.

- Thửa số 1, thửa số 2 thuộc tờ bản đồ số 4; từ thửa số 1 đến thửa số 4 thuộc tờ bản đồ số 5; thửa số 1 thuộc tờ bản đồ số 6; thửa số 3, thửa số 4 thuộc tờ bản đồ số 7; thửa số 653, thửa số 654 thuộc tờ bản đồ số 8; thửa số 657 thuộc tờ bản đồ số 9; thửa số 1 thuộc tờ bản đồ số 10; thửa số 2, thửa số 3 thuộc tờ bản đồ số 11; thửa số 2, thửa số 3 thuộc tờ bản đồ số 12; thửa số 2, thửa số 3 thuộc tờ bản đồ số 13; thửa số 2, thửa số 3 thuộc tờ bản đồ số 14; thửa số 1, thửa số 2 thuộc tờ bản đồ số 15; thửa số 3, thửa số 4 thuộc tờ bản đồ số 16; thửa số 4

thuộc tờ bản đồ số 17 xã Tân Phong theo Mảnh trích đo địa chính số 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 - 2023 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương ký nghiệm thu ngày 9 tháng 11 năm 2023.

- Thừa số 1 thuộc tờ bản đồ số 1; thừa số 3 thuộc tờ bản đồ số 2, thừa số 3 thuộc tờ bản đồ số 3; thừa số 2, thừa số 3 thuộc tờ bản đồ số 4; thừa số 2 đến thừa số 4 thuộc tờ bản đồ số 5; thừa số 1, thừa số 4 thuộc tờ bản đồ số 6 xã Hồng Phúc theo Mảnh trích đo địa chính số 1, 2, 3, 4, 5, 6 - 2023 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương ký nghiệm thu ngày 9 tháng 11 năm 2023.

- Thừa số 2, thừa số 4, thừa số 5, thuộc tờ bản đồ số 5; thừa số 2 thuộc tờ bản đồ số 6; thừa số 1, thừa số 2 thuộc tờ bản đồ số 7; thừa số 1, thừa số 2 thuộc tờ bản đồ số 8; từ thừa số 1 đến thừa số 3 thuộc tờ bản đồ số 9; thừa số 1 đến thừa số 5, thừa số 7, từ thừa số 9 đến thừa số 19 thuộc bản đồ số 10 xã Hưng Long theo Mảnh trích đo địa chính số 5, 6, 7, 8, 9, 10 - 2023 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương ký nghiệm thu ngày 9 tháng 11 năm 2023.

(Chi tiết họ, tên của đại diện hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất, tên tổ chức quản lý, sử dụng đất và vị trí, diện tích, loại đất của từng thửa đất có danh sách kèm theo)

2. Lý do thu hồi đất: để xây dựng dự án Đường dây và TBA 110kV Hưng Thái, đi qua địa phận xã Hưng Long, xã Hồng Phúc, xã An Đức, xã Hồng Đức, xã Tân Phong, huyện Ninh Giang tỉnh Hải Dương.

3. Thời gian điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm: Trong thời gian bắt đầu từ ngày 29/11/2023 đến ngày 29/12/2023.

4. Dự kiến kế hoạch di chuyển, bố trí tái định cư:

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có trách nhiệm di chuyển mồ mả, tài sản, công trình xây dựng, bàn giao đất cho Hội đồng bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng huyện sau khi có quyết định thu hồi đất của UBND huyện. Thời điểm bàn giao đất: trong thời hạn 30 ngày tính từ ngày tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nhận được quyết định thu hồi đất.

- Về bố trí tái định cư: Các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tại khu vực thu hồi không thuộc trường hợp được tái định cư theo quy định của pháp luật.

Các ông, bà đại diện các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có trách nhiệm phối hợp với Hội đồng bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng huyện, UBND xã nơi có đất thu hồi thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê công trình xây dựng, tài sản khác gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ. Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không chấp hành việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê công trình xây dựng, tài sản khác gắn liền với đất để lập phương án bồi



thường, hỗ trợ thì UBND huyện triển khai kiểm đếm bắt buộc theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở TNMT;
- TT Huyện ủy;
- LĐ UBND huyện;
- Hội đồng BTHTGPMB huyện;
- Các phòng: TNMT, TCKH, KTHT;
- Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện;
- UBND các xã Hưng Long, Hồng Phúc, An Đức, Hồng Đức, Tân Phong;
- Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân liên quan;
- Lưu: VT, PTNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Nhật Thanh

DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC, HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN SỬ DỤNG ĐẤT
 Nằm trong phạm vi thực hiện dự án: Xây dựng Đường dây và TBA 110kV Hưng Thái
 Địa điểm: xã Tân Phong, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
 (Kèm theo thông báo số 344/TB-UBND ngày 27/11/2023 của UBND huyện Ninh Giang)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Bản đồ địa chính				Bản trích đo hiện trạng								Ghi chú
			Tờ bản đồ số	Thửa số	Diện tích (m ²)	Loại đất	Tờ bản đồ số	Thửa số	Diện tích (m ²)	Diện tích xây dựng dự án (m ²)	Diện tích thu hồi dự kiến do khó canh tác (m ²)	Diện tích ảnh hưởng bởi HL đường điện (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Loại đất	
1	UBND xã	thôn Hữu Chung	6	4	36143,0	LNQ	4	1	2359,4	144,7			2214,7	NTS	
2	UBND xã	thôn Hữu Chung						2	255,0	11,6			243,4	DGT	
3	Nguyễn Văn Đệ	thôn Hữu Chung	6	102, 104	271.0, 429.0	LUC	5	1	266,6	15,5			251,1	LUC	
4	Nguyễn Văn Quý	thôn Tiền Liệt		102, 104, 135, 137	271.0, 429.0, 303.0, 216.0	LUC		2	189,7	53,5			136,2	LUC	
5	Bùi Văn Bàn	thôn Tiền Liệt		102, 104, 135, 137	271.0, 429.0, 303.0, 216.0	LUC		3	207,0	57,9			149,1	LUC	
6	Bùi Thị Rô	thôn Tiền Liệt		135, 137, 138	303.0, 216.0, 215.0	LUC		4	176,8	16,9			159,9	LUC	
7	Nguyễn Văn Cử	thôn Hữu Chung	12	9, 10, 11, 13, 14, 31, 32, 33, 30, 52	221.0, 259.0, 193.0, 268.0, 189.0, 344.0, 199.0, 135.0, 324.0, 175.0	LUC	6	1	4279,9	192,0			4087,9	LUC	
8	Đoàn Xuân Lộc	thôn Hữu Chung	12	213, 235, 254, 255, 256	718.0, 319.0, 771.0, 474.0, 256.0	LUC	7	3	529,3	81,9			447,4	LUC	
9	Đoàn Văn Khải	thôn Hữu Chung		254, 255, 234, 235, 256, 291	771.0, 474.0, 771.0, 319.0, 256.0, 770.7,	LUC		4	515,6	50,2			465,4	LUC	

DANH SÁCH CÁC TÒ CHỨC, HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN SỬ DỤNG ĐẤT
Nằm trong phạm vi thực hiện dự án: Xây dựng Đường dây và TBA 110kV Hưng Thái
Địa điểm: xã Tân Phong, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
(Kèm theo thông báo số 344/TB-UBND ngày 27/11/2023 của UBND huyện Ninh Giang)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Bản đồ địa chính				Bản trích đo hiện trạng								Ghi chú
			Tờ bản đồ số	Thửa số	Diện tích (m ²)	Loại đất	Tờ bản đồ số	Thửa số	Diện tích (m ²)	Diện tích xây dựng dự án (m ²)	Diện tích thu hồi dự kiến do khó canh tác (m ²)	Diện tích ảnh hưởng bởi HL đường điện (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Loại đất	
10	Trần Văn Thích (Lan)	thôn Hữu Chung	12	358, 367	982.0, 5480.0	TSN	8	653	3106,1	0,0		911,5	3106,1	CLN+N TS	
11	Nguyễn Văn Tiếp	thôn Hữu Chung		346, 367	5545.0, 5480.0	LNQ, TSN		654	3693,3	0,0		44,3	3693,3	CLN+N TS	
12	Nguyễn Văn Hà	thôn Hữu Chung	12	404	2004,0	TSN	9	657	1711,3	0,0		786,6	1711,3	CLN+N TS	
			19	18	858,0	LUC									
13	Nguyễn Văn Tiếp	thôn Hữu Chung	19	1, 2, 14, 18	1329.0, 1401.0, 2004.0, 858.0	LNQ, TSN	10	1	1022,9	132,6		312,9	890,3	CLN	
14	Nguyễn Văn Cờ	thôn Tiền Liệt	19	288, 300, 301, 302, 650, 303, 352, 351, 365, 299	147.0, 236.0, 166.0, 173.0, 167.0, 254.0, 337.0, 344.0, 195.0, 143.0	LUC	11	2	1286,8	79,6		312,9	1207,2	LUC	
15	Đình Văn Bộ	thôn Tiền Liệt		298, 299, 365,352, 353, 364, 363	241.0, 143.0, 195.0, 337.0, 313.0, 221.0, 178.0	LUC		3	1143,2	44,9			1098,3	LUC	
16	Nguyễn Văn Thật	thôn Tiền Liệt	25	14, 59, 56, 57	164.0, 180.0, 201.0, 227.0	LUC	12	2	239,1	55,9			183,2	LUC	
17	Nguyễn Văn Khao	thôn Tiền Liệt		59, 57, 60,	180.0, 227.0, 167.0	LUC		3	218,2	56,0			162,2	LUC	

DANH SÁCH CÁC TỜ CHỨC, HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN SỬ DỤNG ĐẤT
Nằm trong phạm vi thực hiện dự án: Xây dựng Đường dây và TBA 110kV Hưng Thái
Địa điểm: xã Tân Phong, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
(Kèm theo thông báo số 344/TB-UBND ngày 27/11/2023 của UBND huyện Ninh Giang)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Bản đồ địa chính				Bản trích đo hiện trạng								Ghi chú
			Tờ bản đồ số	Thửa số	Diện tích (m ²)	Loại đất	Tờ bản đồ số	Thửa số	Diện tích (m ²)	Diện tích xây dựng dự án (m ²)	Diện tích thu hồi dự kiến do khó canh tác (m ²)	Diện tích ảnh hưởng bởi HL đường điện (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Loại đất	
18	Nguyễn Văn Quyền	thôn Tiền Liệt	25	326, 327, 328, 368, 382	403.0, 222.0, 643.0, 368.0	LUC	13	2	394,0	94,9			299,1	LUC	
19	Nguyễn Thị A	thôn Tiền Liệt		326, 328, 369, 382	403.0, 643.0, 377.0, 644.0	LUC		3	361,6	39,8			321,8	LUC	
20	Bùi Văn Ải	thôn Tiền Liệt	25	643, 644, 645, 687, 688, 689, 690, 703	463.3, 451.0, 281.0, 206.0, 157.0, 298.0, 142.0, 166.0	LUC	14	2	463,3	49,5			413,8	LUC	
21	Bùi Thị Mắm (Nguyễn Văn Đài)	thôn Tiền Liệt		645, 687, 688, 689, 690, 703, 691, 700	281.0, 206.0, 157.0, 298.0, 142.0, 166.0, 100.0, 365.0	LUC		3	390,5	94,4			296,1	LUC	
22	Bùi Quốc Hiến	thôn Tân Hợp	31	176, 178, 180, 230, 232, 231, 228, 229, 239	294.0, 124.0, 360.0, 289.0, 273.0, 225.0, 140.0, 111.0, 340.0	LUC	15	1	1004,3	22,7			981,6	LUC	
23	Bùi Thị Tô (Hoan)	thôn Tân Hợp		232, 231, 239, 235, 236, 237, 238	273.0, 225.0, 111.0, 340.0, 253.0, 273.0, 117.0	LUC		2	1154,1	121,4			1032,7	LUC	

DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC, HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN SỬ DỤNG ĐẤT
 Nằm trong phạm vi thực hiện dự án: Xây dựng Đường dây và TBA 110kV Hưng Thái
 Địa điểm: xã Tân Phong, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
 (Kèm theo thông báo số 344/TB-UBND ngày 27/11/2023 của UBND huyện Ninh Giang)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Bản đồ địa chính				Bản trích đo hiện trạng								Ghi chú
			Tờ bản đồ số	Thửa số	Diện tích (m ²)	Loại đất	Tờ bản đồ số	Thửa số	Diện tích (m ²)	Diện tích xây dựng dự án (m ²)	Diện tích thu hồi dự kiến do khó canh tác (m ²)	Diện tích ảnh hưởng bởi HL đường điện (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Loại đất	
24	Đặng Văn Luật	thôn Tân Hợp	31	573, 621, 622, 623, 574, 630, 631	96.0, 218.0, 198.0, 231.0, 237.0, 153.0, 206.0	LUC	16	3	1113,2	60,2			1053,0	LUC	
25	Bùi Thị Duyên	thôn Tân Hợp		624, 628, 629, 630, 623, 631, 633, 632, 698	942.0, 202.0, 185.0, 153.0, 231.0, 206.0, 114.0, 115.0, 227.0	LUC		4	1111,3	59,3			1052,0	LUC	
26	Đặng Văn Thương	thôn Tân Hợp	36	274, 275, 278, 279, 280, 316	579.0, 500.0, 261.0, 247.0, 203.0, 622.0	LUC	17	4	1445,0	132,1			1312,9	LUC	
Tổng cộng									28.637,5	1.667,5	0,0	2.368,2	26.970,0		